TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST
Ngày: 26/3/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng thi công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ba.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 54/2023/TLST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Đ.

Địa chỉ: Tổ D, ấp E, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn N- Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Công ty TNHH T.

Địa chỉ: Số I, Đường G, tổ A, ấp F, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Công ty TNHH Đ do ông Vũ Văn N đại diện trình bày: Ngày 22/02/2022 Công ty TNHH T và Công ty TNHH Đ đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số:

20/HĐNT.HTP/DNT. Về việc "Vận chuyển đất dự án Sân Bay L - Đồng Nai". Nội dung: Công ty TNHH T giao khoán Công ty TNHH Đ cung cấp nhân công, xe ô tô ba chân, bốn chân, máy múc để múc và vận chuyển đất hữu cơ, đất bề mặt cự ly không quá 10 km.

+ Khối lượng tạm tính: 2.000.000 m^3 (Hai triệu mét khối).

+ Đơn giá: 48.000 VNĐ/m^3/10km (Bốn mươi tám nghìn đồng trên một mét khối trên mười kilomet).

+ Thời hạn thực hiện: 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Tổng giá trị hợp đồng: 96.000.000.000 (Chín mươi sáu tỷ) đồng.

+ Bên A bảo lãnh thanh toán: 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ) đồng.

+ Bên A ứng dầu nhớt cho Bên B.

+ Bên A tạm ứng cho Bên B: 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng.

Đến ngày 06/3/2022, Công ty TNHH Đ đến Công ty TNHH T để thống nhất kế hoạch tập kết phương tiện và làm lễ khởi công thực hiện hợp đồng. Nhưng, Công ty TNHH T đã thay đổi đơn giá và làm thêm phụ lục hợp đồng cụ thể như sau: Đơn giá: 33.000 VNĐ/m^3/5km (Ba mươi ba nghìn đồng trên một mét khối trên năm kiomet), và cộng thêm 4.000 đồng cho mỗi km tăng thêm và sẽ ký hợp đồng lại vào ngày 07 tháng 3 năm 2022. Ngày 08/3/2022 Công ty TNHH Đ tập kết 10 phương tiện đã gửi hồ sơ đầy đủ và đăng ký với Công ty TNHH T tại dự án Sân Bay L để làm Lễ Khởi Công. Ngày 09/3/2022 bắt đầu làm việc.

- Ứng 20 triệu/xe, ứng dầu trước khi chạy.

- Chạy 15 ngày sau thanh toán 90% (khi làm tiếp) trong vòng 03 ngày. Nếu không làm tiếp thì thanh toán đủ 100%.

Sau 15 ngày Công ty TNHH T ký hợp đồng với B và tạm ứng 20% giá trị hợp đồng, bảo lãnh 10% giá trị hợp đồng cho Công ty TNHH Đ. Vì, đã chuẩn bị phương tiện, nhân lực, kế hoạch công việc từ trước nên dù bị thay đổi giá bất lợi nhưng Công ty TNHH Đ vẫn chấp nhận và thực hiện theo đúng điều kiện do Công ty TNHH T đưa ra. Theo đúng kế hoạch của hợp đồng, phụ lục hợp đồng, Công ty TNHH Đ đã tập kết 12 xe ben và 01 xe cuốc theo đúng thời gian, địa điểm Công ty TNHH T chỉ định. Công ty TNHH T còn thuê nhân lực của Công ty TNHH Đ để làm việc cho Công ty TNHH T tại dự án, Công ty TNHH Đ đã phối hợp làm việc. Ngày 09/03/2022 Công ty TNHH T chưa thể nhận mặt bằng để làm việc, Công ty TNHH Đ phải thực hiện nhiều việc để Công ty TNHH T nhận mặt bằng và thực hiện công việc. Đến ngày 10/3/2022, Công ty TNHH T bắt đầu nhận mặt bằng và cho phép Công ty TNHH Đ thực hiện công việc, Công ty TNHH Đ đã thực hiện công việc như Bảng tổng hợp khối lượng chi tiết đã được hai bên xác nhận.

Đến chiều ngày 10/3/2022, Công ty TNHH T và Công ty TNHH Đ đã thảo luận và ký Hợp đồng nguyên tắc số: 03/HĐNT/TC-HTP/ĐNT. Nội dung: Công ty TNHH T đồng ý giao khoán Công ty TNHH Đ đồng ý nhận cung cấp nhân công, xe ô tô ba chân, bốn chân, máy múc để múc và vận chuyển đất hữu cơ, đất bề mặt cự ly không quá 5km. Đơn giá: 32.500 VNĐ/m^3/5km (Ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng/m^3). Tiến độ thực hiện: 12 tháng. Mặc dù, Công ty TNHH T hạ đơn giá so với thỏa thuận ngày 06/3/2022 và không đề cập đến bảo lãnh thanh toán, tạm ứng tiền. Nhưng, do Công ty TNHH Đ đã chuẩn bị và thực hiện công việc với chi phí tự chi trả nên Công ty TNHH Đ1 ký hợp đồng nguyên tắc số: 03/HĐNT/TC- HTP/ĐNT ngày 10/3/2022 với mong muốn cùng Công ty TNHH T hoàn thành dự án.

Việc Công ty TNHH T tự ý đổi tên thành Liên danh Công ty TNHH K và Công ty TNHH T với người đại diện, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại vẫn như cũ của Hợp đồng nguyên tắc số: 20/HĐNT.HTP/DNT, Công ty TNHH Đ không có ý kiến. Công ty TNHH Đ đã thực hiện công việc đúng trách nhiệm như thỏa thuận của các hợp đồng đã ký. Nhưng, Công ty TNHH T không thanh toán đủ số tiền theo đúng khối lượng mà Công ty TNHH Đ đã thi công. Hiện, Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH Đ số tiền là 255.091.154 (Hai trăm năm mươi lăm triệu không trăm chín mươi mốt nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng.

Do, Công ty TNHH T không thanh toán số tiền trên cho Công ty TNHH Đ, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Đ trong thời gian 01 (một) năm 09 (chín) tháng, Công ty TNHH Đ đề nghị được tính lãi suất đối với Công ty TNHH T theo mức lãi suất 10%/năm, số tiền là 44.640.951 (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn chín trăm năm mươi mốt) đồng. Tổng cộng số tiền Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ là 299.732.105 (Hai trăm chín mươi chín triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm lẽ năm) đồng.

+ Bị đơn Công ty TNHH T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH

Đ tổng số tiền là 299.732.105 (Hai trăm chín mươi chín triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm lẽ năm) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Tại phiên tòa, bị đơn Công ty TNHH T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ theo các Hợp đồng nguyên tắc đã ký kết. Đây, là quan hệ phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai bên đương sự là các tổ chức có đăng ký doanh nghiệp. Nguyên đơn Công ty TNHH Đ có địa chỉ trụ sở tại: tổ D, ấp E, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Bị đơn Công ty TNHH T có địa chỉ trụ sở tại: xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Nơi thực hiện hợp đồng tại huyện L, tỉnh Đồng Nai và nguyên đơn có văn bản chọn Tòa án nhân dân huyện Long Thành để giải quyết vụ án. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng thi công" theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, 39 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền nợ 255.091.154 (Hai trăm năm mươi lăm triệu không trăm chín mươi mốt nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng.

Nhận thấy: Bị đơn Công ty TNHH T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa làm việc và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhưng Công ty TNHH T không đến Tòa án cung cấp tài liệu, chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của nguyên đơn đã có đủ cơ sở xác định. Công ty TNHH T có ký kết hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Đ theo Hợp đồng nguyên tắc số: 20/HĐNT.HTP/DNT ngày 22/02/2022 và Hợp đồng nguyên tắc số: 03/HĐNT/TC-HTP/ĐNT ngày 10/3/2022, Công ty TNHH T tuân thủ các quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 khi giao kết nên hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm

phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo Hợp đồng nguyên tắc số: 20/HĐNT.HTP/DNT ngày 22/02/2022 và Hợp đồng nguyên tắc số: 03/HĐNT/TC-HTP/ĐNT ngày 10/3/2022. Về việc "Vận chuyển đất dự án Sân Bay L - Đồng Nai", Công ty TNHH Đ đã thực hiện theo đúng hợp đồng như đã thỏa thuận nhưng Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH Đ. Công ty TNHH Đ cũng đã nhiều lần đề nghị Công ty TNHH T1 nợ nhưng đều không có kết quả. Hiện Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH Đ Tín số tiền nợ theo khối lượng thi công là 255.091.154 (Hai trăm năm mươi lăm triệu không trăm chín mươi mốt nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng.

Như vậy, quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH T đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận hợp đồng. Việc Công ty TNHH Đ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T phải thanh toán số tiền nợ 255.091.154 (Hai trăm năm mươi lăm triệu không trăm chín mươi mốt nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi suất: Do, Công ty TNHH T không thanh toán nợ cho Công ty TNHH Đ, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Đ trong thời gian 01 (một) năm 09 (chín) tháng. Việc Công ty TNHH Đ đề nghị tính lãi suất đối với Công ty TNHH T theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền lãi suất là 44.640.951 (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn chín trăm năm mươi mốt) đồng.

[4] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Đ số tiền 7.493.000 đồng, theo biên lai số 0015068 ngày 15/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116, 117 và Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ đối với Công ty TNHH T về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công".

Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền 299.732.105 (Hai trăm chín mươi chín triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm lẽ năm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH T phải chịu 14.986.600 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho với Công ty TNHH Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.493.000 đồng, theo biên lai số 0015068 ngày 15/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyền kháng cáo: Công ty TNHH Đ và Công ty TNHH T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh